TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U M T** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HSST
Ngày: 07.8.2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Châu Văn Ấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.

Nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi công tác: Trường THPT huyện U M T, tỉnh Kiên Giang

2. Ông Lê Thanh Nhã.

Nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi công tác: Phòng giáo dục huyện U M T, tỉnh Kiên Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Nhâm N, sinh ngày 06/02/2002; Nơi sinh: huyện T B, tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký NKTT: ấp A Th, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú ấp A Th, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp học sinh; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc kinh; giới tính nam; Quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm

1968 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977; vợ không; con không; tiền sự 01 ngày 07/12/2017 bị Công an Thị trấn thứ M M xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC hình phạt cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản; tiền án không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

***** *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Nhâm N:*

Bà Cao Thị Tố Quyên – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử (có mặt).

* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Nhâm N:*

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968 (cha ruột bị cáo N vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977 (mẹ ruột bị cáo N có mặt)

Đồng cư trú: Ấp A Th, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

* *Người bị hại:*

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A Th, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

* *Người làm chứng:*

Lê Văn Gi, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp M Th, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 03/4/2018, Phạm Nhâm N đang ở nhà thuộc ấp A Th, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang, N nhớ lại chuyện bị H và Th ở nhà trọ A Th1 thuộc Thị trấn thứ M M, huyện A M, tỉnh Kiên Giang đánh N mấy ngày trước. N lấy 01 (một) cái chai (loại chai đựng nước suối) đi đến máy honda để trước sân nhà lấy khoảng 01 (một) xị xăng trong máy để vào chai.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, N một mình cầm chai xăng đi bộ từ nhà đến Thị trấn thứ M M để tìm xe của H và Th đốt xe để trả thù. N đi đến nhà ông Nguyễn Văn Q thuộc ấp A Th, xã A M B, huyện U M T, N nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68U1-0895 của ông Q đậu ngoài sân, N quan sát xung quanh không có ai nên lén lút đi đến chiếc xe của ông Q, dùng chìa khóa xe lượm mấy ngày trước, mở khóa xe thì thấy bóng đèn cháy, N dẫn xe khoảng 15 (mười lăm) mét thì bị ông Lê Văn Gi phát hiện, N

bỏ chạy ra vuông, ông Gi la lên và nói "trộm xe anh Q ơi", N chạy được khoảng 100 mét thì ông Gi bắt giữ và giao cho Công an xã A M B, huyện U M T.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 07/KL-HĐĐG ngày 23/4/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U M T, kết luận: 01 (một), chiếc xe mô tô biển số 68U1-0895, nhãn hiệu AnGel, màu sơn: đen, số máy: MVD7BH007436; số khung; 11FH8007436, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị **là 2.800.000 đồng** (Hai triệu, tám trăm nghìn đồng).

Về vật chứng trong vụ án: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 68U1-0895, nhãn hiệu AnGel, màu sơn: đen, số máy: MVD7BH007436; số khung; 11FH8007436, đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 06/4/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T trả lại cho bị hại Nguyễn Văn Q, gồm: 01 (một), chiếc xe mô tô biển số 68U1-0895, nhãn hiệu AnGel, màu sơn: đen, số máy: MVD7BH007436; số khung; 11FH80074360.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 09/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Phạm Nhâm N về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Nhâm N từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân do bị cáo là người chưa thành niên.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Ý kiến vị Trợ giúp viên Quyên bào chữa cho bị cáo N thống nhất với vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Có quan điểm bào chữa bị cáo N phạm tội lần đầu, tài sản trộm đã trả lại cho người bị hại, bị cáo là người chưa thành niên gia đình bị cáo có biện pháp quản lý bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 91 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N mức đầu khung của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là 12 tháng cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe thể hiện sự khoan hồng pháp luật, mở cho bị cáo con đường sữa chữa sai lầm và được đi học trở thành người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa:

Bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T đã truy tố.

Người bị hại Q không yêu cầu bị cáo bồi thường gì; về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt được ở ngoài đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U M T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 22 giờ ngày 03/4/2018, Phạm Nhâm N đi đến nhà ông Nguyễn Văn Q thuộc ấp A Th, xã A M B, huyện U M T, N nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68U1-0895 của ông Q đậu ngoài sân, không người trông giữ nên lén lút lấy trộm xe, N dẫn xe khoảng 15 (mười lăm) mét thì bị ông Lê Văn Gi (người ở cùng xóm ông Q) phát hiện la lên mọi người truy đuổi, bắt giữ và giao cho Công an xã A M B, huyện U M T.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và theo thông báo kết luận của Hội đồng định giá tài sản thì tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt **là 2.800.000 đồng** (Hai triệu, tám trăm nghìn đồng), đủ cơ sở kết luận. Bị cáo Phạm Nhâm N phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo lợi dụng lúc đêm khuya mọi người ngủ say, bị cáo thấy chiếc xe mô tô của ông Q biển kiểm soát 68U1-0895 đậu ngoài sân, đã vào trộm cắp chiếc xe của

ông Q. Hành vi của bị cáo thể hiện sự lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Q mục đích làm phương tiện đi lại để thực hiện hành vi vi phạm khác, hành vi trên là xem thường kỹ cương pháp luật và rất nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

[3] Về các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã trả lại tài sản cho người bị hại và người bị hại Q có đơn xin bãi nại cho bị cáo được giáo dục tại địa phương; Theo đơn xin xét xử vắng mặt ông Q xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Tại thời điểm phạm tội bị cáo N chưa đủ 18 tuổi (bị cáo sinh ngày 06/02/2002, ngày phạm tội 03/4/2018). Tuy nhiên bị cáo có một tiền sự, nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính**.** Xét bị cáo N có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt gia đình bị cáo cam kết sẽ giáo dục tốt bị cáo nên không cần phải tách ly ra khỏi đời sống xã hội mà giao về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục cũng đủ răn đe. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội giao bị cáo về chính quyền địa phương giáo dục cũng đủ răn đe.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện U M T về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo N từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ, có cơ sở.

Quan điểm trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo N thống nhất quan điểm vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ; về hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo N mức đầu khung của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo N xin được giảm nhẹ hình phạt được đi học, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi nghị án.

[5] Về các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Nhâm N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Nhâm N 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân do bị cáo là người chưa thành niên; Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang và gia đình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phạm Nhâm N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- Công an huyện U M T;

- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục thi hành án dân sự H.U M T;
- Lưu.

Châu Văn Ấn